

Số: 174/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 151/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: chị Tô Thị N, sinh năm 1995; nơi thường trú: tổ A, khu C, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: anh Tống Quốc K, sinh năm 1995; nơi thường trú: tổ I, khu A, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Tô Thị N và anh Tống Quốc K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Tô Thị N và anh Tống Quốc K thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị N có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Tống Thảo M - sinh ngày 11/01/2016; anh K có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con

chung Tổng Minh P - sinh ngày 03/7/2018 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N, anh K không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: chị N tự nguyện nộp số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001664 ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Trả lại cho chị N số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Quảng Ninh;
- UBND phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hải Lê